

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH THẠNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1661/2018/DS-ST**

Ngày: 31/8/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân,
2. Bà Nguyễn Thanh Phước.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:  
Bà Trương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2211/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 303/2018/QĐXXST-DS ngày 02/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Địa chỉ: Đường H, Phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M (có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Đường L, Phường B, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 4820/2017/UQ-VPB ngày 05/10/2017 của Ngân hàng TMCP V).

2. Bị đơn: Ông Trần Huy L (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Q, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong Đơn khởi kiện ngày 02/8/2017 và các bản tự khai, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông Trần Huy L và

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết hai hợp đồng tín dụng trả góp, cụ thể như sau:

Hợp đồng thứ nhất có mã số 2553728: Ngày 30/12/2014, ông Trần Huy L có đơn đề nghị mở tài khoản phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kèm hợp đồng tín dụng và được Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phê duyệt cho vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay trả góp là 36 tháng, tính từ ngày giải ngân khoản vay là ngày 08/01/2015, lãi suất vay là 27 %/năm tính trên dư nợ giảm dần, mục đích để tiêu dùng cá nhân, trường hợp người vay vi phạm thời hạn trả nợ, người vay phải chịu thêm tiền lãi quá hạn với mức lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn. Ông L đã nhận được tiền vay vào ngày 08/01/2015 sau đó thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 10.028.937 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 4.808.128 đồng, nợ lãi 5.220.809 đồng. Kể từ ngày 29/8/2015 đến nay, ông L không thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Tính đến 31/8/2018, ông L còn nợ Ngân hàng số tiền là 106.619.198 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 45.191.872 đồng, nợ lãi trong hạn là 40.327.775 đồng, nợ lãi quá hạn là 21.099.551 đồng).

Hợp đồng thứ hai có mã số 3224181: Theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 08/4/2015 của ông L, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tiếp tục phê duyệt cho ông L vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay trả góp là 36 tháng tính từ ngày giải ngân khoản vay là ngày 15/4/2015, lãi suất vay là 27 %/năm tính trên dư nợ giảm dần, mục đích để tiêu dùng cá nhân, trường hợp người vay vi phạm thời hạn trả nợ, người vay phải chịu thêm tiền lãi quá hạn với mức lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn. Ông L đã nhận được tiền vay vào ngày 15/4/2018 sau đó thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 3.009.773 đồng, trong đó nợ gốc là 1.103.987 đồng, nợ lãi là 1.905.786 đồng. Kể từ ngày 29/8/2015 đến nay ông L không thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Tính đến 31/8/2018, ông L còn nợ Ngân hàng số tiền là 66.881.393 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 28.896.013 đồng, nợ lãi trong hạn là 24.928.325 đồng, nợ lãi quá hạn là 13.057.055 đồng).

Tổng cộng cả hai hợp đồng tín dụng nêu trên, tính đến ngày 31/8/2018 ông L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 173.500.591 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 74.087.885 đồng, nợ lãi trong hạn là 65.256.100 đồng, lãi quá hạn là 34.156.606 đồng). Ngân hàng yêu cầu ông L trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 173.500.591 đồng làm một lần, ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra ông L còn phải tiếp tục trả lãi theo quy định của 02 hợp đồng nêu trên kể từ ngày 01/9/2018 cho đến khi trả xong số tiền nợ nêu trên.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình ông L trả nợ, không yêu cầu bà Lê Hữu H là vợ ông L liên đới trả nợ cùng ông L, đề nghị Tòa án không đưa bà H vào tham gia tố tụng.

Tại các bản tự khai và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/12/2017 bị đơn ông Trần Huy L trình bày:

Ông xác nhận có làm Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 30/12/2014 và được Ngân hàng TMCP V

cho vay số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 08/4/2015 ông tiếp tục làm Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng và được Ngân hàng TMCP V cho vay số tiền 30.000.000 đồng. Toàn bộ nội dung của 02 hợp đồng vay và quá trình thực hiện hợp đồng đúng như người đại diện của Ngân hàng trình bày. Tính đến ngày 28/12/2017, ông L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 152.996.769 đồng, bao gồm nợ gốc là 74.087.885 đồng, nợ lãi là 78.908.884 đồng.

Ông L yêu cầu được trả góp toàn bộ số tiền mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trả xong số tiền nợ và đề nghị được giảm lãi phát sinh.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không rõ lý do, không gửi cho Tòa án bất cứ văn bản trình bày ý kiến cũng như tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử vẫn chưa đúng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Do yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 173.500.591 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.**

Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hợp đồng tín dụng được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại quận Bình Thạnh nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

### **2. Về tư cách tố tụng:**

Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, bị đơn khai có vợ là Lê Hữu H, sinh ngày 13/10/1976. Tuy nhiên trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu một mình ông L trả nợ, không yêu cầu bà H liên đới trả nợ cùng bị đơn, đề nghị Tòa án không đưa bà H vào tham gia tố tụng. Tại

Bản tự khai ngày 28/12/2017, ông L xác nhận khoản vay này không liên quan đến bà H. Xét yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải triệu tập bà Lê Hữu H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **3. Về các yêu cầu của đương sự:**

Qua chứng cứ thể hiện trong hồ sơ và lời trình bày của các đương đã có đủ cơ sở để khẳng định giữa ông Trần Huy L và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có ký kết và thực hiện hai hợp đồng tín dụng số 2553728 ngày 30/12/2014 và hợp đồng tín dụng số 3224181 ngày 08/4/2015. Do ông L vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L trả cho Ngân hàng tổng số tiền 173.500.591 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 74.087.885 đồng, nợ lãi trong hạn là 65.256.100 đồng, lãi quá hạn là 34.156.606 đồng ) trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra ông L còn phải tiếp tục trả tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 01/9/2018 cho đến khi trả xong số tiền nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Số tiền nợ gốc tính đến ngày xét xử là 74.087.885 đồng, bị đơn đã thừa nhận số tiền nợ gốc tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 28/12/2017 nên là cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu thanh toán nợ lãi: Căn cứ vào Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo thỏa thuận, mức lãi suất cho vay trong hạn là 27% và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông Trần Huy L ghi nhận tại hai hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 31/12/2014 và ngày 08/4/2015 là phù hợp với quy định pháp luật.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 28/12/2017, ông L đã thừa nhận toàn bộ nội dung của 02 hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng, trong đó bao gồm lãi suất và xác định số tiền lãi ông L còn nợ Ngân hàng là 78.908.884 đồng. Từ sau ngày 28/12/2017 đến phiên tòa hôm nay ông L không trả thêm cho Ngân hàng tiền nợ gốc và tiền lãi, vì vậy việc Ngân hàng tiếp tục tính lãi phát sinh theo quy định của hai hợp đồng đã ký tính đến ngày xét xử 31/8/2018 và yêu cầu ông L thanh toán tiền nợ lãi trong hạn là 65.256.100 đồng, lãi quá hạn là 34.156.606 đồng, tổng số tiền lãi là 99.412.706 đồng là có cơ sở để hội đồng chấp nhận.

Xét phương thức thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền 173.500.591 đồng làm một lần. Tại phiên họp ngày 28/12/2017, ông L đề nghị được trả góp mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trả xong số tiền nợ và đề nghị được giảm lãi phát sinh, nhưng nguyên đơn không đồng ý. Tuy nhiên, từ sau ngày 28/12/2017 đến phiên tòa hôm nay ông L không đến Tòa án theo các giấy triệu tập của Tòa án để tham gia các phiên hòa

giải cũng như không đưa ra phương án trả nợ cho Ngân hàng, không trả thêm cho Ngân hàng tiền nợ gốc và tiền lãi cho thấy ông L không có thiện chí trả nợ, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Về án phí sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Trần Huy L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 4.337.515 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 63, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Buộc ông Trần Huy L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền là 173.500.591 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 74.087.885 đồng, nợ lãi trong hạn là 65.256.100 đồng, lãi quá hạn là 34.156.606 đồng), trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Trần Huy L còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/9/2018 cho đến khi thi hành án xong. Mức lãi suất được xác định theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 30/12/2014 và Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 08/4/2015.

2. Về án phí sơ thẩm là 4.337.515 đồng, ông Trần Huy L phải đóng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.264.000 đồng theo Biên lai thu số 0003310 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### 3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND QBThạnh;
- Chi cục THADS QBThạnh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Linh Dũng**